TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/HC-PT
Ngày: 11 - 3 - 2024
V/v Khiếu kiện buộc thực hiện hành vi hành chính, và hủy văn bản hành chính có liên quan trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 821/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện buộc thực hiện hành vi hành chính và hủy văn bản hành chính có liên quan trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2023/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2024/QĐPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số B A, ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn S - Chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Hoàng N – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An huyện T (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn C – Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng huyện T, tỉnh Long An (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T trình bày trong đơn khởi kiện ghi ngày 12/12/2022:

Tại Quyết định số 6152/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T đã thu hồi đất của ông để làm dự án khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T, diện tích đất bị thu hồi gồm 4 thửa đất:

- Thửa đất số 1195 diện tích 3588m^2, tờ bản đồ số 1 đất (BHK) trọn thửa.

- Thửa số 65 diện tích 466,4m^2, tờ bản đồ số 2, loại đất ODT (trọn thửa).

- Thửa đất 66 diện tích 2345m^2, tờ bản đồ số 2 đất HNK (trọn thửa).

- Thửa đất 1278 diện tích 246,2m^2, tờ bản đồ số 1, đất ODT (trọn thửa).

Trong 4 thửa đất nêu trên có 3 thửa đúng với diện tích sử dụng gồm các thửa 65, 66, 1278, riêng thửa 1195 diện tích 3.588m^2 không đúng với thực tế ông sử dụng diện tích là 5.000m^2 mà Ủy ban nhân dân huyện T chỉ thu hồi theo giấy chứng nhận QSD đất đã cấp là 3.588m^2, còn lại diện tích 1.412m^2 không thu hồi, không đền bù bồi thường mà Ban Quản lý dự án cùng Ủy ban nhân dân huyện T vẫn lấy đất của ông mà gia đình đã sử dụng ổn định từ trước năm 1971 cho đến nay để làm một phần dự án khu dân cư Trung tâm hành chính. Ủy ban nhân dân huyện T trả lời đơn khiếu nại của ông tại văn bản số 7910.UBND.KT ngày 29/10/2022 cho rằng là đường nước thuộc Nhà nước quản lý nên không bồi thường là không thỏa đáng đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ Văn bản số 7910/UBND-KT ngày 29/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng phần đất 1412m^2 loại đất HNK của ông quản lý sử dụng ổn định đường nước là đất công thuộc nhà nước quản lý nên không bồi thường cho ông.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bổ sung quyết định thu hồi đất số 6152/QĐ.UBND ngày 24/12/2019 tại thửa đất số 1195 do đất thực tế ông sử dụng là 5.000m^2 loại đất HNK không như quyết định thu hồi số 6152/QĐ.UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T là 3588m^2.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến tại Văn bản số 3845/UBND-NC ngày 28/6/2023 như sau:

Theo Báo cáo số 155/BC-TNMT ngày 14/6/2023 của Phòng T4 về việc đề nghị cung cấp thông tin về nguồn gốc thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc thị trấn T như sau:

Ngày 25/11/1996, ông Nguyễn Văn Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 10.588m^2, đất tọa lạc thị trấn T.

Ngày 12/5/2006, ông Nguyễn Văn Đ lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh S1 một phần thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.000m^2.

Ngày 17/4/2009, ông Nguyễn Văn Đ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các con gồm: ông Nguyễn Văn T1 một phần thửa đất số 1195 tờ bản đô số 1, diện tích 1.000m^2; ông Nguyễn Văn T2 một phần thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.000m^2; ông Nguyễn Văn H một phần thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.000m^2 và ông Nguyễn Văn T một phần thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.588m^2. Ngày 03/6/2009, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.588m^2. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T căn cứ trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Ngày 24/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 6152/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn T trong đó có thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 3588m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện, căn cứ hồ sơ được cung cấp, Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2023/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Bác yêu cầu của Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ Văn bản số 7910/UBND-KT ngày 29/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng phần đất 1412m^2 loại đất HNK của ông quản lý sử dụng

ổn định đường nước là đất công thuộc nhà nước quản lý nên không bồi thường cho ông.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bổ sung quyết định thu hồi đất số 6152/QĐ.UBND ngày 24/12/2019 tại thửa đất số 1195 do đất thực tế tôi sử dụng là 5.000m^2 loại đất HNK không như quyết định thu hồi số 6152/QĐ.UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T là 3588m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/9/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T vì diện tích đất 1.412m^2 liên quan khiếu kiện do ông Nguyễn Văn Đ (cha ông T) sử dụng từ năm 1971, được chế độ cũ cấp bằng khoán chứng thư sử dụng đất với diện tích 12000m^2, sau đó chia cho các con, trong đó có ông T. Gia đình ông T sử dụng đất này làm vườn và làm đường thoát nước ổn định từ năm 1972 cho đến nay. Phần đất 1.412m^2 này là đường thoát nước ra Kênh B Báng do gia đình ông T sử dụng từ năm 1972, không phải đường nước công cộng. Khi sử dụng đường nước này, gia đình ông T có cắm mốc ranh rõ ràng, trước nay không tranh chấp, những gia đình sử dụng đất giáp ranh như Võ Minh H1, Võ Minh H2 đều xác định đất không có tranh chấp và không sử dụng đường nước này. Đây là loại đất hàng năm khác chứ không phải đất thủy lợi. Do đó, gia đình ông T đủ điều kiện được bồi thường đối với diện tích đất này.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Hoàng N và ông Nguyễn Văn C thống nhất phát biểu ý kiến không đồng ý kháng cáo của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì theo hồ sơ đo đạc thì phần đất ông T yêu cầu bồi thường bổ sung được thể hiện là đất thủy lợi, có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Đ, sau đó ông Đ cho các người con, trong đó có ông T. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và cho các con ông Đ đều không có cấp đường nước này, cả ông Đ và ông T đều không có ý kiến gì. Qua xác minh của Ủy ban nhân dân thị trấn T cũng thể hiện đây là đường nước công cộng, đường thoát nước chung của các hộ dân, do nhà nước quản lý nên không đủ điều kiện bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Căn cứ, vào Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Ngày 25/11/1996, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 194647 cho ông Nguyễn Văn Đ (cha ông Thường), trong đó có thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 10.588m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

[3] Từ năm 2006 đến năm 2009, ông Đ lập thủ tục tách thửa tặng cho các con quyền sử dụng đất thuộc thửa 1195 như sau:

- Ông Nguyễn Thanh S1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T1, mỗi người một phần diện tích 1.000m^2, có đo đạc;

- Ông Nguyễn Văn T diện tích còn lại là 3.588m^2 không đo đạc.

[4] Ông T cho rằng diện tích thửa 1195 mà ông đang quản lý sử dụng trên thực tế là 5.000m^2, nên yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung diện tích 1.412m^2 (là đường thoát nước ra Kênh B, nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ vào năm 1996 và ông T nhận tặng cho năm 2009).

Xét thấy, khi ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 không có diện tích đất đường thoát nước. Sau đó, ông Đ chia cho các con trong đó có ông T được cho phần còn lại là 3.588m^2 cũng không có đường nước, nhưng ông Đ và ông T không có khiếu nại về diện tích thửa 1195 được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, theo Trích lục Bản đồ địa chính xin chủ trương ngày 24/6/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T thể hiện đường thoát nước không nằm trong thửa đất 1195 mà đi ngang các thửa: Thửa 1616 của Võ Thị Mỹ H3, thửa 1618 của Võ Minh H4, thửa 1617 của Võ Thị Mỹ H5, thửa 1264 của Trần Văn T3, thửa 1345 của Nguyễn Thị Ngọc H6; Tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/02/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: hiện trạng đất đã san lấp thay đổi hoàn toàn không còn phân biệt các thửa đất; Còn dấu vết của đường thoát nước và có một bọng nước thoát ra rạch. Do đó, ông T cho rằng đường thoát nước là đất của thửa 1195, gia đình ông theo bằng khoán điền thổ và cha ông sử dụng từ năm 1971 đến năm 2009 chia cho ông là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Căn cứ hợp đồng tặng cho ngày 17/4/2009, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 087223 ngày 03/6/2009 đối với thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.588m^2 cho ông Nguyễn Văn T. Do phần đất trên nằm trong dự án khu dân cư Trung tâm hành chính huyện T, nên ngày 24/12/2019 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 6152/QĐ-UBND thu hồi thửa 1195 diện tích 3.588m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là có căn cứ.

Mặc dù, ông T quản lý sử dụng phần 1.412m^2 (là đường thoát nước), nhưng không được công nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện để bồi thường khi thu hồi đất. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện T không ra quyết định thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất cho ông T là đúng quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 134/2023/HC-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ Văn bản số 7910/UBND-KT ngày 29/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng phần đất 1412m^2 loại đất HNK của ông quản lý sử dụng ổn định đường nước là đất công thuộc nhà nước quản lý nên không bồi thường cho ông.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bổ sung quyết định thu hồi đất số 6152/QĐ.UBND ngày 24/12/2019 tại thửa đất số 1195 do đất thực tế tôi sử dụng là 5.000m^2 loại đất HNK không như quyết định thu hồi số 6152/QĐ.UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T là 3588m^2.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Long An (1);
– VKSND tỉnh Long An (1);
– Cục THADS tỉnh Long An (1);
– Các đương sự (2);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 13b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Phan Nhựt Bình